SỞ Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH
**BỆNH VIỆN UNG BƯỚU**
Số: 5396 /TB-BVUB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2023*

# THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

*Gói thầu: Mua sắm Văn phòng phẩm cho Bệnh viện Ung Bướu Năm 2024-2025*

Bệnh viện Ung Bướu có kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua sắm Văn phòng phẩm cho Bệnh viện Ung Bướu Năm 2024-2025".

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp báo giá theo mẫu báo giá đính kèm.

Đề nghị các đơn vị cung cấp gửi file excel/word và bản scan báo giá có đóng dấu theo mẫu đến địa chỉ email: baogiahcqt@gmail.com

Hồ sơ báo giá gửi trực tiếp về địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị, Bệnh viện Ung Bướu – Số 03, Nơ Trang Long, phường 7, quận Bình Thạnh, TP.HCM, bao gồm:

- Bảng báo giá có hiệu lực.

Thời gian nhận báo giá: kể từ ngày đăng thông báo trên website của Bệnh viện Ung Bướu đến 14 giờ 00 phút ngày 09 tháng 10 năm 2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Các đơn vị có quan tâm;
- Lưu: VT (ĐVN).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU

BS. Phạm Xuân Dũng

SỞ Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH
**BỆNH VIỆN UNG BƯỚU**

# DANH MỤC GÓI THẦU:

***Mua sắm Văn phòng phẩm cho Bệnh viện Ung Bướu Năm 2024-2025***

(Đính kèm theo thông báo mời báo giá số: 5396 /TB-BVUB
ngày 03 tháng 10 năm 2023)

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bấm kim đại | - Chất liệu thép không gỉ, chịu lực tốt.<br>- Kích thước: Rộng 80mm, dài 230mm, cao 185mm<br>- Dùng kim từ 23/8-23/23, bấm được khoảng ≥ 200 tờ giấy định lượng 80gsm | Cái | 20 | |
| 2 | Bấm kim số 10 | - Chất liệu inox, bọc nhựa bên ngoài.<br>- Dụng cụ bấm giấy bằng nhựa đủ màu, thân bằng kim loại, dùng kim số 10. | Cái | 650 | |
| 3 | Bấm kim số 3 | - Chất liệu inox, bọc nhựa bên ngoài.<br>- Dụng cụ bấm giấy bằng nhựa đủ màu, thân bằng kim loại, dùng kim số 3. | Cái | 80 | |
| 4 | Bấm lỗ | - Bấm 2 lỗ, thân bằng chất liệu inox, có thước đo kèm theo, chân đế bằng nhựa.<br>- Có khả năng dập tối đa 30 tờ/lần, đường kính lổ bấm 6mm và khoảng cách giữa 2 lỗ là 80mm | Cái | 13 | |
| 5 | Bàn cắt giấy | - Mặt bàn được làm bằng thép chống rỉ.<br>- Bề mặt bàn có các vạch chia rõ ràng, khổ giấy tối đa A3.<br>- Lưỡi dao làm từ chất liệu hợp kim thép, có thanh kẹp giấy ở lưỡi dao | Cái | 7 | |
| 6 | Băng keo giấy 2.4cm | -Chất liệu bằng giấy, phủ keo 01 mặt, dính tốt trên nhiều bề mặt vật liệu.<br>- Có thể viết lên mặt bằng các loại bút thông thường.<br>- Kích thước: Rộng 2,4cm, dài 20 yard | Cuộn | 4.700 | |
| 7 | Băng keo 2 mặt 2.4cm | -Băng keo có màu trắng được phủ hai mặt keo Acrylic, độ bám dính tốt.<br>- Kích thước: Rộng 2,4cm; dài 16 yard | Cuộn | 100 | |
| 8 | Băng keo dán tiền | -Keo dán 01 mặt trong suốt có độ dính cao, chống thấm tốt, không bị rách và giảm độ phản quang.<br>- Kích thước: 19mm x 32,9m | Cái | 300 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Băng keo giấy 5cm | - Chất liệu bằng giấy, phủ keo 01 mặt, dính tốt trên nhiều bề mặt vật liệu.<br>- Có thể viết lên mặt bằng các loại bút thông thường.<br>- Kích thước: Rộng 5cm, dài 20 yard. | Cuộn | 2.900 | |
| 10 | Băng keo simili 3,5cm | - Băng keo được làm bằng nhựa simili kết với lớp keo đặc biệt tạo độ bám dính cao.<br>- Có nhiều màu: Xanh dương, Vàng, Đỏ, Xanh lá.<br>- Kích thước: Rộng 3,5cm, dài ≥ 20 yard | Cuộn | 170 | |
| 11 | Băng keo simili 5cm | - Băng keo được làm bằng nhựa simili kết với lớp keo đặc biệt tạo độ bám dính cao.<br>- Có nhiều màu: Xanh dương, Vàng, Đỏ, Xanh lá.<br>- Kích thước: Rộng 5cm, dài ≥ 20 yard | Cuộn | 170 | |
| 12 | Băng keo trong (đục) lớn | - Được sản xuất bằng màng OPP chống thấm tốt và độ dính cao, bề mặt dai, không rách.<br>- Màng được phủ 01 mặt keo dính tốt trên nhiều bề mặt vật liệu.<br>- Độ dày của màng: 50mic.<br>- Kích thước: Rộng 4,8cm; dài ≥ 80yard. | Cuộn | 4.300 | |
| 13 | Băng keo trong VP nhỏ | - Được sản xuất bằng màng OPP trong suốt chống thấm tốt và độ dính cao, bề mặt dai, không rách.<br>- Màng được phủ 01 mặt keo dính tốt trên nhiều bề mặt vật liệu.<br>- Lõi nhựa nhỏ.<br>- Độ dày của màng: 45mic.<br>- Kích thước: Rộng 1,8cm, dài 17 yard. | Cuộn | 2.500 | |
| 14 | Bảng mica 100x120 (cm) | -Mặt bảng là lớp poly trắng, có đường vạch kẽ rõ ràng trên bề mặt bảng, có tấm lót hậu MDF.<br>- Khung nhôm 5cm, bốn góc có bốn co nhựa màu trắng sữa.<br>- Có khay để viết và đồ lau bảng.<br>- Kích thước: (100 x 120)cm. | Cái | 10 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Bảng mica 100x200 (cm) | -Mặt bảng là lớp poly trắng, có đường vạch kẽ rõ ràng trên bề mặt bảng, có tấm lót hậu MDF.<br>- Khung nhôm 5cm, bốn góc có bốn co nhựa màu trắng sữa.<br>- Có khay để viết và đồ lau bảng.<br>- Kích thước: (100 x 200)cm. | Cái | 10 | |
| 16 | Bảng mica 120x150 (cm) | -Mặt bảng là lớp poly trắng, có đường vạch kẽ rõ ràng trên bề mặt bảng, có tấm lót hậu MDF.<br>- Khung nhôm 5cm, bốn góc có bốn co nhựa màu trắng sữa.<br>- Có khay để viết và đồ lau bảng.<br>- Kích thước: (120 x 150)cm. | Cái | 10 | |
| 17 | Bảng mica 120x180 (cm) | -Mặt bảng là lớp poly trắng, có đường vạch kẽ rõ ràng trên bề mặt bảng, có tấm lót hậu MDF.<br>- Khung nhôm 5cm, bốn góc có bốn co nhựa màu trắng sữa.<br>- Có khay để viết và đồ lau bảng.<br>- Kích thước: (120 x 180)cm. | Cái | 10 | |
| 18 | Bảng mica 60x80 (cm) | - Mặt bảng là lớp poly trắng, có đường vạch kẽ rõ ràng trên bề mặt bảng, có tấm lót hậu MDF.<br>- Khung nhôm 5cm, bốn góc có bốn co nhựa màu trắng sữa.<br>- Có khay để viết và đồ lau bảng.<br>- Kích thước: (60x80)cm | Cái | 10 | |
| 19 | Bảng mica 70x100 (cm) | - Mặt bảng là lớp poly trắng, có đường vạch kẽ rõ ràng trên bề mặt bảng, có tấm lót hậu MDF.<br>- Khung nhôm 5cm, bốn góc có bốn co nhựa màu trắng sữa.<br>- Có khay để viết và đồ lau bảng.<br>- Kích thước: (70 x 100)cm. | Cái | 10 | |
| 20 | Bảng mica 80x100 (cm) | - Mặt bảng là lớp poly trắng, có đường vạch kẽ rõ ràng trên bề mặt bảng, có tấm lót hậu MDF.<br>- Khung nhôm 5cm, bốn góc có bốn co nhựa màu trắng sữa.<br>- Có khay để viết và đồ lau bảng.<br>- Kích thước: (80 x 100)cm. | Cái | 10 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Bảng mica 90x120 (cm) | - Mặt bảng là lớp poly trắng, có đường vạch kẽ rõ ràng trên bề mặt bảng, có tấm lót hậu MDF.<br>- Khung nhôm 5cm, bốn góc có bốn co nhựa màu trắng sữa.<br>- Có khay để viết và đồ lau bảng.<br>- Kích thước: (90 x 120)cm. | Cái | 10 | |
| 22 | Bảng tên dây đeo nhỏ | - Bảng tên bằng nhựa trong.<br>- Kích thước: (7 x 10)cm.<br>- Dây đeo bằng vải màu xanh dương. | Bộ | 120.500 | |
| 23 | Bao kiếng dán miệng | - Loại túi nilon có 1 bên miệng túi được cắt cao hơn bên kia. Ở bên miệng túi cao hơn có gắn 1 dải keo dài nằm ngang song song với miệng túi.<br>- Kích thước: các kích cỡ | Kg | 50 | |
| 24 | Bìa còng bật 5cm - 7cm simili | - Bìa làm bằng giấy cứng được bọc nhựa PP bên ngoài.<br>- Còng được phủ Niken chống rỉ, bìa đóng mở 30.000 lần không rách.<br>- Đế còng khóa 02 tầng chắc chắn.<br>- Kích thước: Khổ F4, gáy bìa (5 - 7cm). | Cái | 300 | |
| 25 | Bìa còng bật 10cm simili | - Chất liệu nhựa PP bọc bên ngoài lớp bìa cứng.<br>- Gáy 10cm (Có thể chứa được 800 tờ giấy).<br>- Còng bên trong được làm bằng kim loại.<br>- Kích thước: (31,5 x 28 x 10) cm. | Cái | 130 | |
| 26 | Bìa còng bật 15cm simili | - Chất liệu nhựa PP bọc bên ngoài lớp bìa cứng.<br>- Còng bên trong được làm bằng kim loại.<br>- Có quai xách, gáy 15cm.<br>- Có chia file 05 màu để phân biệt tài liệu.<br>- Lưu được khoảng 1.500 tờ giấy A4.<br>- Kích thước: (252 x 166 x 307)mm. | Cái | 60 | |
| 27 | Bìa còng bật 3,5 cm simili | - Bìa làm bằng giấy cứng được bọc nhựa PP bên ngoài.<br>- Còng được phủ Niken chống rỉ.<br>- Kích thước: Khổ A4, gáy bìa 3,5cm. | Cái | 400 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 28 | Bìa giấy 3 dây | - Bìa được sản xuất từ giấy với độ cứng cao, không cong gấp.<br>- Bên ngoài lớp bìa có lớp giấy được cán màng bóng.<br>- Các góc có bọc kim loại.<br>- Bìa có độ dày gáy 10F, có 03 dây nằm ở 03 cạnh bìa. | Cái | 1.300 | |
| 29 | Bìa giấy màu A4 | - Giấy bìa dày định lượng 180gsm.<br>- Màu: Xanh dương, Hồng, Vàng, Xanh lá.<br>- Quy cách: Khổ giấy A4.<br>- Quy cách: 100 tờ/1 xấp | Xấp | 400 | |
| 30 | Bìa giấy màu A5 | - Giấy bìa dày định lượng 180gsm.<br>- Màu: Xanh dương, Hồng, Vàng, Xanh lá.<br>- Quy cách: Khổ giấy A5.<br>- Quy cách: 100 tờ/1 xấp | Xấp | 1.400 | |
| 31 | Bìa hộp chữ nhật 10cm simili | - Chất liệu bằng bìa giấy cứng, bọc lớp simili.<br>- Độ dày gáy 10cm, bìa khổ (24 x 33)cm, bên trong có kẹp inox, bên ngoài có miếng dán đóng mở. | Cái | 100 | |
| 32 | Bìa hộp nhựa A4 - 7 cm | - Chất liệu nhựa PP, có miếng dán đóng mở.<br>- Mặt góc và mặt chính của sản phẩm đều có nhãn để ghi.<br>- Kích thước: (235 x 315 x 70)mm | Cái | 40 | |
| 33 | Bìa lá A4 mỏng | - Chất liệu PP, độ dày 0,2mm.<br>- Kích thước: Khổ A4.<br>- Quy cách: 100 cái/ 1 xấp. | Cái | 24.200 | |
| 34 | Bìa lỗ A4 nhựa | - Chất liệu nhựa PP bền, có độ dày 0,045mm.<br>- Kích thước: Khổ A4.<br>- Quy cách: 100 cái/ xấp | Xấp | 700 | |
| 35 | Bìa màu thơm dày A4 | - Giấy bìa dày định lượng 180gsm, trên bề mặt có in hoa văn chìm, giấy có mùi thơm dễ chịu.<br>- Quy cách: Khổ giấy A4. 100 tờ/1 xấp | Xấp | 100 | |
| 36 | Bìa màu thơm mỏng A4 | - Giấy bìa mỏng định lượng 90gsm, trên bề mặt có in hoa văn chìm, giấy có mùi thơm dễ chịu.<br>- Kích thước: Khổ giấy A4.<br>- Quy cách: 250 tờ/1 xấp | Xấp | 100 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 37 | Bìa nhựa 100 lá A4 | - Chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh, đóng theo dạng album.<br>- Bên trong gắn 100 lá nhựa trong suốt khổ A4.<br>- Mỗi lá nhựa chứa được khoảng 10 tờ giấy khổ A4. | Cái | 300 | |
| 38 | Bìa nhựa 100 lá F4 | - Chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh, đóng theo dạng album.<br>- Bên trong gắn 100 lá nhựa trong suốt khổ F4.<br>- Mỗi lá nhựa chứa được khoảng 10 tờ giấy khổ F4. | Cái | 200 | |
| 39 | Bìa nhựa 20 lá A4 | - Chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh, đóng theo dạng album.<br>- Bên trong gắn 20 lá nhựa trong suốt khổ A4.<br>- Mỗi lá nhựa chứa được khoảng 10 tờ giấy khổ A4. | Cái | 200 | |
| 40 | Bìa nhựa 20 lá F4 | - Chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh, đóng theo dạng album.<br>- Bên trong gắn 20 lá nhựa trong suốt khổ F4.<br>- Mỗi lá nhựa chứa được khoảng 10 tờ giấy khổ F4. | Cái | 100 | |
| 41 | Bìa nhựa 40 lá A4 | - Chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh, đóng theo dạng album.<br>- Bên trong gắn 40 lá nhựa trong suốt khổ A4.<br>- Mỗi lá nhựa chứa được khoảng 10 tờ giấy khổ A4. | Cái | 100 | |
| 42 | Bìa nhựa 60 lá A4 | -Chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh, đóng theo dạng album.<br>- Bên trong gắn 60 lá nhựa trong suốt khổ A4.<br>- Mỗi lá nhựa chứa được khoảng 10 tờ giấy khổ A4. | Cái | 200 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 43 | Bìa nhựa 60 lá F4 | - Sản phẩm được làm bằng chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh, đóng theo dạng album.<br>- Bên trong gắn 60 lá nhựa trong suốt khổ F4.<br>- Mỗi lá nhựa chứa được khoảng 10 tờ giấy khổ F4 | Cái | 100 | |
| 44 | Bìa nhựa 80 lá A4 | - Sản phẩm được làm bằng chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh, đóng theo dạng album.<br>- Bên trong gắn 80 lá nhựa trong suốt khổ A4.<br>- Mỗi lá nhựa chứa được khoảng 10 tờ giấy khổ A4. | Cái | 100 | |
| 45 | Bìa nhựa 80 lá F4 | - Sản phẩm được làm bằng chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh, đóng theo dạng album.<br>- Bên trong gắn 80 lá nhựa trong suốt khổ F4.<br>- Mỗi lá nhựa chứa được khoảng 10 tờ giấy khổ F4. | Cái | 60 | |
| 46 | Bìa nhựa còng nhẫn 2,5cm | - Chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh.<br>- Còng nhẫn được phủ Niken chống rỉ.<br>- Kích thước: Khổ A4, gáy bìa 2,5cm. | Cái | 400 | |
| 47 | Bìa nhựa còng nhẫn 3,5cm | - Chất liệu nhựa PP có độ dày và độ cứng cao không bị cong vênh.<br>- Còng nhẫn được phủ Niken chống rỉ.<br>- Kích thước: Khổ A4, gáy bìa 3,5cm. | Cái | 400 | |
| 48 | Bìa nút A4 | - Kích thước: (300 x 215) mm, độ dày: 0,15mm.<br>- Được làm bằng nhựa PP.<br>- Có thể lưu trữ tối đa 100 tờ A4.<br>- Nút có độ bền cao.<br>- Sản phẩm có in hoa văn đẹp và sắc nét.<br>- Quy cách: 12 bìa/túi | Cái | 1.100 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 49 | Bìa nút F4 | - Kích thước: (340 x 240) mm, độ dày: 0,15mm.<br>- Được làm bằng nhựa PP.<br>- Có thể lưu trữ tối đa 100 tờ A4.<br>- Nút có độ bền cao.<br>- Sản phẩm có in hoa văn đẹp và sắc nét.<br>- Quy cách: 12 bìa/túi | Cái | 1.500 | |
| 50 | Bìa trình ký đôi | - Bìa gồm 02 mặt gấp lại, bọc Simili, bìa cứng chắc.<br>- Kẹp bằng kim loại cao cấp, hai góc kẹp được bọc nhựa.<br>- Kích thước: Khổ A4 | Cái | 80 | |
| 51 | Bìa trình ký đơn | - Bìa gồm 01 mặt cứng chắc, bọc Simily đường hàn có độ bền cao.<br>- Kẹp bằng kim loại, hai góc kẹp được bọc nhựa.<br>- Kích thước: Khổ A4 | Cái | 80 | |
| 52 | Bút bi đỏ + đen | Đầu bi: 0,5mm, mực ra đều, bút bi dạng bấm cò, thân làm bằng nhựa PP trong suốt, ruột viết nhựa trắng có sọc, có thể thay ruột khi hết mực | Cây | 3.700 | |
| 53 | Bút bi xanh | Đầu bi: 0,5mm, mực ra đều, bút bi dạng bấm cò, thân làm bằng nhựa PP trong suốt, ruột viết nhựa trắng có sọc, có thể thay ruột khi hết mực | Cây | 20.000 | |
| 54 | Bút cắm bàn | - Đầu bi 0.8mm, dạng cone, mực ra đều, không bị chảy mực.<br>- Có băng keo 02 mặt phía dưới đế cắm, có thiết kế 02 bút trên 01 đế cắm, Viết đôi có lò xo. | Bộ | 3.200 | |
| 55 | Bút chì 2B | Loại chì 2B-HB, thân bút bằng gỗ thon dài, chuốt không bị gãy | Cây | 2.600 | |
| 56 | Bút dạ quang | - Vỏ bọc được làm bằng nhựa, thiết kế đầu lớn, mực dạng nướ, ra đều, không bị khô mực trong quá trình sử dụng. Bút đánh dấu ghi chú, độ phản quang cao.<br>- Màu sắc: Vàng, cam, hồng, xanh lá, xanh, tím. | Cây | 500 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 57 | Bút lông bảng | - Loại 01 đầu.<br>- Bề rộng nét viết: 2,5mm.<br>- Đầu bút làm bằng sợi Polyeste, không khô mực, nét viết rõ, đẹp.<br>- Dễ lau chùi khi sử dụng trên bề mặt bảng mica Mực ra đều, không bị khô mực trong quá trình sử dụng. | Cây | 3.500 | |
| 58 | Bút lông bi | - Đầu bi 0,5mm, đầu bi dạng nhỏ, nét chữ viết ra thanh mảnh, gọn gàng.<br>- Đầu bi được làm từ hợp kim chống xước, chống lem mực ra giấy.<br>- Bút sử dụng mực nước, mực tươi, lên màu đẹp. | Cây | 100 | |
| 59 | Bút lông dầu kim | - 02 đầu bút khác nhau: Đầu nhỏ và đầu lớn, kích thước: 0,4mm và 1mm, đầu bút bằng vật liệu Polyester.<br>- Màu mực đậm tươi, mực ra đều và liên tục.<br>- Độ bám dính của mực tốt trên các vật liệu: Giấy, gỗ, da, nhựa, thủy tinh, kim loại, gốm, sứ, đĩa CD… | Cây | 4.500 | |
| 60 | Bút lông dầu lớn | - 02 đầu bút: Đầu nhỏ và đầu lớn, hai đầu bút kích thước: 0,8mm và 6mm, đầu bút bằng vật liệu Polyester.<br>- Màu mực đậm tươi, mực ra đều và liên tục.<br>- Độ bám dính của mực tốt trên các vật liệu: Giấy, gỗ, da, nhựa, thủy tinh, kim loại, gốm, sứ, đĩa CD… | Cây | 3.500 | |
| 61 | Bút xóa kéo | - Là loại xóa khô có thể viết đè lên ngay sau khi xóa.<br>- Có nắp bảo vệ ở phía đầu, có thể thay ruột, ruột xóa bằng giấy.<br>- Kích thước ruột xóa: (5x12)mm. | Cái | 1.000 | |
| 62 | Bút xóa nước | Nét xoá mau khô, không độc hại, thân tròn, màu trắng, dung tích: ≥ 8ml | Cây | 400 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 63 | Cắt băng keo | - Cắt băng keo để bàn cỡ trung.<br>- Lưỡi cắt làm bằng thép không rỉ, phần thân làm bằng nhựa cứng.<br>- Sản phẩm kèm theo 02 con lăn lớn và nhỏ.<br>- Kích thước: (13 x 8 x 5)cm | Cái | 100 | |
| 64 | Còng inox 6 móc | Chất liệu inox, không hoen rỉ, loại còng xi, chia đều 6 móc theo dạng còng nhẫn. | Cái | 100 | |
| 65 | Dao rọc giấy lớn | - Cán dao làm bằng nhựa cứng có các đường vân chống trượt, lưỡi dao bằng thép sắc bén.<br>- Thân dao có mép inox bảo vệ lưỡi dao.<br>- Có khóa tự động lên xuống.<br>- Lưỡi dao 18mm. Loại dao này có thể thay lưỡi (Có kèm theo 02 lưỡi dao). | Cây | 900 | |
| 66 | Dao rọc giấy nhỏ | - Cán dao làm bằng nhựa cứng có các đường vân chống trượt, lưỡi dao bằng thép sắc bén.<br>- Thân dao có mép inox bảo vệ lưỡi dao.<br>- Có khóa tự động lên xuống.<br>- Thiết kế nhỏ gọn với lưỡi dao chỉ 12mm.<br>- Loại dao này có thể thay lưỡi (Có kèm theo 2 lưỡi dao). | Cây | 200 | |
| 67 | Đĩa CD | Loại đĩa: CD-R<br>- Tốc độ ghi: 52x.<br>- Dung lượng lưu trữ 700MB.<br>- Mỗi đĩa được đựng trong 01 hộp nhựa riêng.<br>- Hộp giấy có 10 hộp đĩa nhựa. | Cái | 5.400 | |
| 68 | Đĩa DVD | Loại đĩa: DVD-R.<br>- Tốc độ ghi: 2x-4x-8x-16x.<br>- Dung lượng: 4,5GB.<br>- Mỗi đĩa được đựng trong 01 hộp nhựa riêng.<br>- Hộp giấy có 10 hộp đĩa nhựa | Hộp | 800 | |
| 69 | Đồ chuốt bút chì | Khung bằng nhựa cứng.<br>Lưỡi dao bằng thép. | Cái | 600 | |
| 70 | File nhựa 1 ngăn | Kệ nhựa đứng, dùng để đựng hồ sơ.<br>- Được làm từ nhựa nguyên sinh PP.<br>- Kích thước: (29,5 x 23,5 x 9)cm. | Cái | 500 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 71 | Giấy in ảnh | - Dùng in ảnh màu rõ, sắc nét không bị nhòe,<br>- 100 tờ/ xấp, một mặt láng bóng, mịn<br>- Kích thước giấy: (210 x 297)mm | Xấp | 600 | |
| 72 | Giấy in cacbon vi tính 210/1 liên | - Kích thước: (210 x 279)mm.<br>- Sử dụng cho máy in kim.<br>- Quy cách: 2.000 tờ/thùng, giấy trắng mịn | Thùng | 20 | |
| 73 | Giấy in cacbon vi tính 210/2 liên | - Kích thước: (210 x 279)mm.<br>- Sử dụng cho máy in kim.<br>- Quy cách: 2.000 tờ/thùng, giấy trắng mịn | Thùng | 60 | |
| 74 | Giấy in cacbon vi tính 240/1 liên | - Kích thước: (240 x 279)mm.<br>- Sử dụng cho máy in kim.<br>- Quy cách: 2.000 tờ/thùng, giấy trắng mịn | Thùng | 30 | |
| 75 | Giấy in cacbon vi tính 380/1 liên | - Kích thước: (380 x 279)mm.<br>- Sử dụng cho máy in kim.<br>- Quy cách: 2.000 tờ/thùng, giấy trắng mịn. | Thùng | 30 | |
| 76 | Giấy manh caro + kẻ ngang | - Dòng kẻ caro rõ ràng, giấy trắng mịn.<br>- Kích thước: (32 x 20)cm.<br>- Quy cách: 20 tờ/xấp | Xấp | 300 | |
| 77 | Giấy note 3x2 | - Giấy dùng để viết ghi chú, đầu giấy có keo, màu vàng.<br>- Kích thước: 3 x 2 inch | Xấp | 40 | |
| 78 | Giấy note 3x3 | - Giấy dùng để viết ghi chú, đầu giấy có keo, màu vàng<br>- Kích thước: 3x3 inch | Xấp | 40 | |
| 79 | Giấy note 3x4 | - Giấy dùng để viết ghi chú, đầu giấy có keo, màu vàng<br>- Kích thước: 3x4 inch | Xấp | 40 | |
| 80 | Giấy note màu dạ quang (không keo) | - Được làm từ chất liệu giấy, viết không lem nhoè.<br>- Kích thước: (8,3 x 8,3 x 8,6) cm | Xấp | 40 | |
| 81 | Giấy perlure | Giấy trắng mỏng dùng để dán niêm phong, Kích thước 21x29,7cm | Xấp | 100 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 82 | Giấy photo A3/70 | - Loại giấy in, trắng, láng mịn, không bị bụi giấy, thích hợp với tất cả các loại máy in phun, máy in Laser, Máy Fax laser, máy Photocopy.<br>- In đảo 02 mặt không bị kẹt giấy.<br>- Định lượng 70gsm/m², khổ giấy A3.<br>- Quy cách: 500 tờ/Ream - thùng 5 Ream. | Ream | 100 | |
| 83 | Giấy photo A4/68 | - Giấy trắng, định lượng 68gsm/m², khổ giấy A4.<br>- Quy cách: 500 tờ/Ream - thùng 5 ream. | Ream | 100 | |
| 84 | Giấy photo A4/70 | - Loại giấy in, trắng, láng mịn, không bị bụi giấy, thích hợp với tất cả các loại máy in phun, máy in Laser, máy Fax laser, máy Photocopy.<br>- In đảo 02 mặt không bị kẹt giấy.<br>- Định lượng: 70gsm/m², khổ giấy A4.<br>- Quy cách: 500 tờ/Ream - thùng 5 Ream. | Ream | 20.000 | |
| 85 | Giấy photo A5/70 | - Loại giấy in, trắng, láng mịn, không bị bụi giấy, thích hợp với tất cả các loại máy in phun, máy in Laser, máy Fax laser, máy Photocopy.<br>- In đảo 02 mặt không bị kẹt giấy.<br>- Định lượng: 70gsm/m², khổ giấy A5.<br>- Quy cách: 500 tờ/Ream - thùng 5 Ream. | Ream | 20.000 | |
| 86 | Giấy photo màu A4/80 | - Giấy có bề mặt nhẵn mịn, không lem khi in, không có mùi khó chịu.<br>- Có 04 màu: Xanh biển, Hồng, Vàng, Xanh lá.<br>- Định lượng 80gsm/m², khổ giấy A4.<br>- Quy cách: 500 tờ/Ream. | Ream | 60 | |
| 87 | Giấy than cacbon | - Mực viết ra rõ không lem, không rách.<br>- Quy cách: 100 tờ/ hộp.<br>- Kích thước: (21 x 33)cm. | Hộp | 350 | |
| 88 | Gôm tẩy chì | Chất liệu: cao su, màu trắng, có thể dùng được nhiều lần | Cục | 900 | |
| 89 | Hộp dấu | - Vỏ hộp được làm bằng kim loại không rỉ sét, bên trong lót vải nỉ có tẩm mực sẵn.<br>- Khay mực êm, dấu đóng thấm mực nhanh.<br>- Hộp dấu dễ dàng tiếp mực để tái sử | Hộp | 100 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | dụng.<br>- Dùng để đóng dấu hoặc lăn tay.<br>- Kích thước hộp dấu: (70 x 110) mm. | | | |
| 90 | Hộp đựng rác y tế 1.5 | Hộp nhựa màu vàng đựng vật sắt nhọn, dung tích: 1.5L, có nắp đậy màu đỏ | Cái | 7.000 | |
| 91 | Hộp đựng rác y tế 6.8 | Hộp nhựa màu vàng đựng vật sắt nhọn, dung tích: 6.8L, có nắp đậy màu đỏ | Cái | 8.500 | |
| 92 | Kéo cắt giấy lớn | - Chất liệu: Lưỡi kéo làm bằng kim loại sắc bén, không bị gỉ sét.<br>- Thiết kế tay cầm kéo được bọc nhựa.<br>- Kích thước: (9 x 22) cm. | Cây | 500 | |
| 93 | Kéo cắt giấy nhỏ | - Chất liệu: Lưỡi kéo làm bằng kim loại sắc bén, không bị gỉ sét.<br>- Thiết kế tay cầm kéo được bọc nhựa.<br>- Kích thước: (7 x 18) cm. | Cây | 300 | |
| 94 | Keo dán 500gr | - Loại keo dính không bị khô.<br>- Khối lượng: 500gr | Hộp | 3.000 | |
| 95 | Keo dán sắt | Độ kết dính cao, chịu được nhiệt độ cao, dùng được trên các chất liệu: da, nhựa, kim loại…. | Hộp | 100 | |
| 96 | Keo dán tuýp | - Dạng lỏng, hơi sánh đặc, giúp dính chặt bề mặt được dán. Dán mau khô, không làm nhăn hay nhão mặt giấy.<br>- Chai dạng đầu gạt.<br>- Dung tích: 30ml. | Tuýp | 6.000 | |
| 97 | Kẹp bướm 19mm | - Kẹp sắt đen, dày, sơn tĩnh điện, không bị sét.<br>- Kích thước: 19mm | Hộp | 200 | |
| 98 | Kẹp bướm 25mm | - Kẹp sắt đen, dày, sơn tĩnh điện, không bị sét.<br>- Kích thước: 25mm | Hộp | 700 | |
| 99 | Kẹp bướm 32mm | - Kẹp sắt đen, dày, sơn tĩnh điện, không bị sét.<br>- Kích thước: 32mm | Hộp | 600 | |
| 100 | Kẹp bướm 51mm | - Kẹp sắt đen, dày, sơn tĩnh điện, không bị sét.<br>- Kích thước: 51mm | Hộp | 300 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 101 | Kẹp giấy Accord nhựa | - Que bằng sắt bọc nhựa, dài 18cm.<br>- Dụng cụ gài bằng nhựa.<br>- Màu sắc: trắng, xanh lá, xanh dương, vàng, đỏ. | Hộp | 20 | |
| 102 | Kẹp giấy Accord sắt | - Que bằng sắt xi inox, dài 18cm.<br>- Dụng cụ gài bằng sắt | Hộp | 20 | |
| 103 | Kẹp giấy lớn | -Kim kẹp tròn, xi inox.<br>- Quy cách: 30 cây/hộp | Hộp | 100 | |
| 104 | Kẹp giấy nhỏ | - Kim kẹp nhọn, xi inox.<br>- Quy cách: 100 cây//hộp.<br>- Kẹp được 10 tờ. | Hộp | 6.000 | |
| 105 | Kẹp gỡ kim | Thân kẹp bằng sắt, bọc nhựa bên ngoài. | Cái | 400 | |
| 106 | Kẹp inox trình ký | Kẹp trình ký inox | Cái | 40 | |
| 107 | Kim bấm số 10 | - Kim được làm bằng chất liệu thép.<br>- Dùng cho máy bấm số 10. | Hộp | 30.000 | |
| 108 | Kim bấm số 3 | - Kim được làm bằng chất liệu thép.<br>- Dùng cho máy bấm số 10.<br>- Bấm tối đa ≥ 30 tờ. | Hộp | 350 | |
| 109 | Kim bấm số đại 23/15 | - Sử dụng cho bấm kim đại, Kim bằng thép, không gỉ sét.<br>- Chiều cao chân kim: 15mm.<br>- Lực bấm 60 tờ.<br>- Quy cách: 1000 kim/ hộp. | Hộp | 40 | |
| 110 | Kim bấm số lớn 23/10 | - Sử dụng cho bấm kim đại, Kim bằng thép, không gỉ sét.<br>- Chiều cao chân kim: 10mm.<br>- Lực bấm 60 tờ.<br>- Quy cách: 1000 kim/ hộp. | Hộp | 40 | |
| 111 | Máy tính 8 số | - Máy tính 08 số.<br>- Máy dùng pin và năng lượng.<br>- Kích thước: (148,5 × 101 × 27,6)mm.<br>- Bảo hành 02 năm (kèm phiếu bảo hành khi giao hàng). | Cái | 60 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 112 | Máy tính 12 số | - Màn hình lớn, bề mặt bằng kim loại, sử dụng 2 nguồn năng lượng: Pin và mặt trời.<br>- Số hiển thị: 12.<br>- Có chức năng cộng trừ thuế (%) tự động.<br>- Kích thước: (179 × 126 × 30,9)mm.<br>- Bảo hành 02 năm (kèm phiếu bảo hành khi giao hàng). | Cái | 55 | |
| 113 | Móc dán tường | Loại bằng nhựa, dán vào tường, móc đồ không bị bong ra | Vĩ | 100 | |
| 114 | Mực dấu shiny | - Mực nước, không vón cục.<br>- Màu sắc: Xanh, đỏ.<br>- Dung tích: >=28ml | Hộp | 2.000 | |
| 115 | Mực tàu | Mực đậm đặc, không vón cục. | Chai | 100 | |
| 116 | Nhãn decal số | Nhãn decal giấy, có lớp keo sẵn, khuôn cắt nhãn theo nhiều kích thước | Xấp | 750 | |
| 117 | Nhãn decal vàng A4 | Giấy decan tự dính 1 mặt (A4), đế vàng | Tờ | 2.000 | |
| 118 | Phim trong | - Được làm bằng màn nhựa mỏng, có tráng một lớp phản quang, dùng để copy hình ảnh.<br>- Kích thước: (297 x 210)mm.<br>- Quy cách: 100 tờ/hộp. | Hộp | 120 | |
| 119 | Pin 3A | Pin AAA, không rỉ sét khi sử dụng, điện áp 1,5 Volt | Cục | 2.000 | |
| 120 | Pin 9V | - Pin Ankaline, không rỉ sét khi sử dụng.<br>- Điện áp 9 Volt | Cục | 200 | |
| 121 | Pin Cmos | - Pin xu - không rỉ sét khi sử dụng.<br>- Dung lượng: 220mAh.<br>- Điện áp: 3 Volt. | Cục | 300 | |
| 122 | Pin đại | - Pin D, Pin Ankaline không rỉ sét khi sử dụng.<br>- Điện áp 1,5 Volt. | Cục | 400 | |
| 123 | Pin tiểu | - Pin 2A - Pin carbon không rỉ sét khi sử dụng.<br>- Điện áp 1,5 Volt. | Cục | 20.000 | |
| 124 | Pin trung | - Pin C - Pin Ankaline, bền, không rỉ sét khi sử dụng.<br>- Điện áp 1,5 Volt. | Cục | 2.000 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 125 | Ruột chì kỹ thuật 0.5mm | - Ruột chì 2B, nét 0,5mm.<br>- Kích thước: Dài 75mm.<br>- Quy cách: Ống 24 ruột. | Ống | 100 | |
| 126 | Ruy băng : LQ-2170, LQ2070, 2080, 2180 - FX2170 | Ruy băng dùng cho máy in kim: Ruy băng : LQ-2170, LQ2070, 2080, 2180 - FX2170 (hoặc tương đương) | Cái | 300 | |
| 127 | Ruy băng : LQ-300 + (LQ300+II A4) | Ruy băng dùng cho máy in kim: Ruy băng : LQ-300 + (LQ300+II A4) (hoặc tương đương) | Hộp | 150 | |
| 128 | Ruy băng LQ -310 | Ruy băng dùng cho máy in kim LQ -310 (hoặc tương đương). | Cái | 300 | |
| 129 | Sáp đếm tiền | - Hộp hình tròn đường kính 4cm.<br>- Hàng loại tốt, giữ ẩm lâu. | Cái | 200 | |
| 130 | Sổ caro lớn | - Kích thước: (30 x 40)cm.<br>- Ruột sổ: 200 trang.<br>- Loại sổ có bìa cứng in hoa văn và đóng cuốn sắt nét.<br>- Giấy trắng, dày, kẻ oly rõ ràng.<br>- Bề mặt giấy trơn láng, mịn, viết êm tay.<br>- Chất liệu giấy tốt không bị lem hay thấm mực qua trang sau. | Cuốn | 450 | |
| 131 | Sổ caro nhỏ | - Kích thước: (25 x 33)cm<br>- Loại sổ có bìa cứng in hoa văn và đóng cuốn sắt nét.<br>- Giấy trắng, dày, kẻ oly rõ ràng.<br>- Bề mặt giấy trơn láng, mịn, viết êm tay.<br>- Chất liệu giấy tốt không bị lem hay thấm mực qua trang sau. | Cuốn | 1.200 | |
| 132 | Tập 100 trang | - Giấy trắng, dày, định lượng 70gsm, kẻ oly rõ ràng.<br>- Quy cách: 100 trang luôn bìa. | Cuốn | 7.000 | |
| 133 | Tập 200 trang | - Giấy trắng, dày, định lượng 70gsm, kẻ oly rõ ràng.<br>- Quy cách: 200 trang luôn bìa. | Cuốn | 1.600 | |
| 134 | Tạp dề | Loại sử dụng 1 lần, được tiệt trùng. Kích thước 80/120(cm) | Cái | 35.000 | |
| 135 | Thun khoanh | - Hàng xuất khẩu loại 01, màu vàng đậm, vòng thun lớn.<br>- Thun dày, độ co giãn cao, không bị đứt.<br>- Quy cách: 0,5 kg/gói | Gói | 1.800 | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Số Lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 136 | Thước kẻ 20cm | Chất liệu: Bằng nhựa cứng, trong suốt<br>Kích thước: 20cm | Cây | 250 | |
| 137 | Thước kẻ 30cm | Chất liệu: Bằng nhựa cứng, trong suốt<br>Kích thước: 30cm | Cây | 450 | |
| 138 | Thước kẻ 50cm | Chất liệu: Bằng nhựa cứng, trong suốt<br>Kích thước: 50cm | Cây | 100 | |